

Tên:

Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Độc HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



GE2 - Unit 8: Home, sweet home - Grammar 1 & Unit 7 Grammar 2 Revision

A. THEORY

I. GRAMMAR

❖ Possessive 's (Sở hữu cách)

- Cách sử dụng 1: A's B = B của A (Khi A là số ít)



Ann's camera
(camera **của** Ann)



my brother's car
(xe **của** anh tôi)



the manager's office
(văn phòng **của** quản lý)

- Cách sử dụng 2: As' B = B của A (Khi A là số nhiều và có đuôi s/es)



my friends' house (nhà **của** các bạn của tôi)

❖ Possessive pronouns – mine / yours (Đại từ sở hữu – mine / yours)

- Cách dùng: để nói "cái này là của ai".

- Ví dụ: "This book is **my book**." → "This book is **mine**." (Cuốn sách này là **của** tôi.)

"This pen is **your pen**." → "This pen is **yours**." (Cây bút này là **của** bạn.)

II. GRAMMAR REVISION: this/ that/ these/ those

		near →	far →
one thing		this	that
two or more things		these	those

III. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	classroom (n)	lớp học	3	wall (n)	bức tường
2	lesson (n)	bài học			

*Note: n = noun: danh từ.

B. HOMEWORK

GRAMMAR (22 questions)

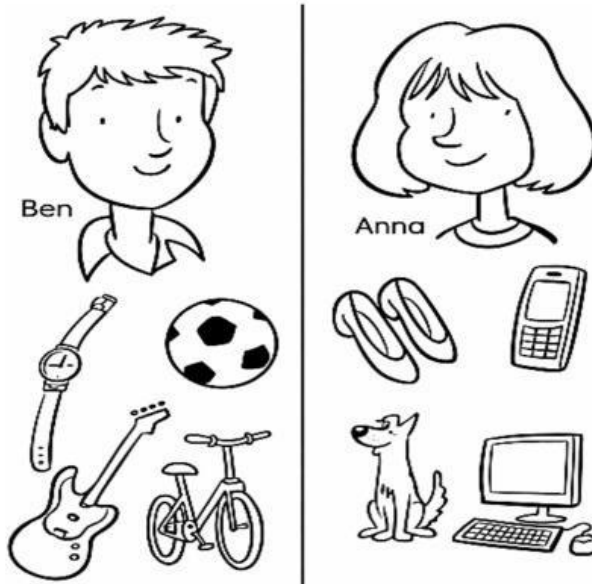
Exercise 1. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) 1 dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Look at the picture. Write Ben's or Anna's to complete the sentences.

(Nhìn vào tranh. Viết **Ben's** hoặc **Anna's** để hoàn thành câu.)

0. Ben's guitar

1. watch
2. computer
3. dog
4. phone
5. shoes
6. ball
7. bike



Exercise 3. Look and write phrases using possessive cases.

(Nhìn vào tranh và viết cụm từ sử dụng sở hữu cách.)

umbrella

balloons

house

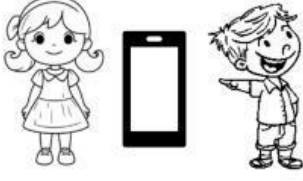
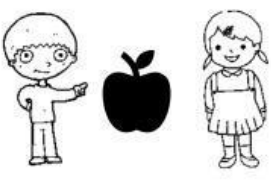
basket

backpack

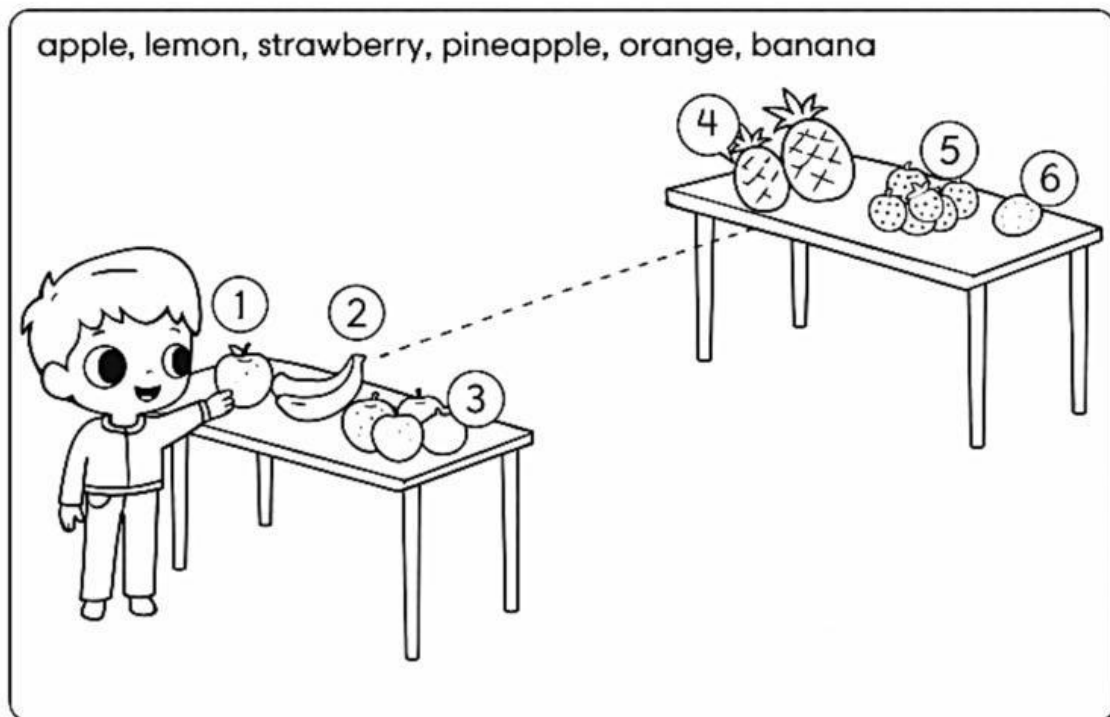
flowers

0 Suzy <u>Suzy's umbrella</u>	1 Mike 	2 Tom
3 Marco 	4 The kids 	5 The girls

Exercise 4. Look at the pictures. Complete the following answers.
(Nhìn vào các hình ảnh. Hoàn thành các câu trả lời sau đây.)

0.  Whose phone is it? → It's <u>yours</u>.	1.  Whose cat is it? → It's	2.  Whose dog is it? → It's
3.  Whose car is it? → It's	4.  Whose apple is it? →	5.  Whose money is it? →

Exercise 5. Complete the sentences using “THIS / THAT / THESE / THOSE”.
(Hoàn thành câu sử dụng “THIS / THAT / THESE / THOSE”.)



1. This is an apple.
2. are bananas.
3. are oranges.
4. are pineapples.
5. are strawberries.
6. is a lemon.

STARTERS PART 4

Read this. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-5.

A school

Boys and (0) girls come and learn in me. There are lots of classrooms in me and some children have (1) in English here. In one classroom, Lucy sits on her (2), opens her (3) and writes in it with her pen. There are lots of (4) on the wall. Lucy and her friends draw them with their (5) The children are happy here.

What am I? I am a school.

example			
girls	lessons	pencils	chair
pictures	ice cream	book	drink